

**THÔNG BÁO**  
**V/v đăng ký học phần Quý 2 năm học 2016**

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học 2016 của chương trình Cử nhân Tài năng khóa 40.

Viện Đào tạo Quốc tế - Trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo cho tất cả sinh viên thuộc chương trình cử nhân tài năng khóa 40 kế hoạch đăng ký học phần cho học kỳ 2 năm học 2015-2016 như sau:

**1. Đối tượng đăng ký:**

Tất cả sinh viên chương trình Cử nhân tài năng khóa 40.

**2. Thời gian đăng ký Online:**

Từ 08h00 ngày 04/4/2016 đến 24h00 ngày 05/4/2016

**3. Điều kiện đăng ký:**

Đăng ký đúng các học phần đã được thông báo cho mỗi sinh viên (danh sách đính kèm).

**4. Hướng dẫn đăng ký:**

Sinh viên thực hiện các bước sau để hoàn tất việc đăng ký học phần online:

*Bước 1:* Vào địa chỉ website của Viện [www.online.isb.edu.vn](http://www.online.isb.edu.vn)

*Bước 2:* Đăng nhập vào hệ thống Online bằng tài khoản của sinh viên (Tên đăng nhập, mật khẩu)

*Bước 3:* Vào mục “Đăng ký học→Đăng ký theo kế hoạch” thực hiện theo hướng dẫn để đăng ký học phần.

*Bước 4:* Vào mục “Đăng ký học→Kết quả đăng ký” để xem kết quả đã đăng ký.

*Bước 5:* Vào mục “Thông tin→Học phí ĐÃ NỘP” để xem thông tin học phí.

**5. Hủy học phần:**

- Nộp đơn hủy học phần và các giấy tờ liên quan tại bộ phận Quản lý sinh viên chương trình Cử nhân Tài năng - Văn phòng ISB 17 Phạm Ngọc Thạch, P6, Quận 3.
- Đơn xin hủy học phần: Download tại [www.online.isb.edu.vn](http://www.online.isb.edu.vn)
- Lưu ý trong thời gian các Phòng, Ban chức năng xử lý hồ sơ, sinh viên vẫn phải đi học bình thường.
- Thời gian hủy học phần: Từ ngày 06/04/2016 đến 19/04/2016.

Ngoài thời gian này, Trường sẽ không nhận đơn và giải quyết những trường hợp xin hủy học phần (chi tiết hướng dẫn rút, hủy học phần xem tại [www.online.isb.edu.vn](http://www.online.isb.edu.vn) )

## 6. Nộp học phí:

- Hoàn tất các phần học phí còn nợ tính đến thời điểm 01/4/2016
- Đăng nhập [www.online.isb.edu.vn](http://www.online.isb.edu.vn) → mục “**học phí đã nộp**” để xem thông tin học phí.
- Quy trình nộp học phí:

*Bước 1:* Học viên nộp trực tiếp vào **Tài Khoản của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh**. Số TK **0036100000119009** tại Ngân hàng Phương Đông – Số 17 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q3, TP. HCM. Hoặc chuyển khoản vào tài khoản trên (Lưu ý: nội dung chuyển khoản điền đầy đủ thông tin: Họ tên – Mã SV – Lớp)

*Bước 2:* Gửi biên lai học phí (bản photo) hoặc email về phòng kế toán (đối với trường hợp không nộp trực tiếp tại NH OCB 17 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3).

*Mọi thắc mắc về học phí vui lòng liên hệ Ms. Phuong (kế toán) tại văn phòng Viện ISB. Mobile: 08.3823356 – Email: bichphuong@isb.edu.vn*

## 7. Một số lưu ý:

- Sinh viên chỉ được đăng ký số học phần đúng như danh sách đã gởi, sinh viên đăng ký học phần ngoài danh sách sẽ bị hủy khỏi hệ thống sau đó.
- Sinh viên phải kiểm tra lịch học (thời khóa biểu) trên website để đi học đúng lớp đã đăng ký, không được tự ý thay đổi lớp học khi chưa có sự đồng ý của Viện.
- Sinh viên còn nợ học phí sẽ bị xóa tên khỏi danh sách lớp học phần đã đăng ký sau ngày 08/4/2016.
- Khi nộp học phí, sinh viên lưu giữ chứng từ của ngân hàng để xác nhận nộp học phí.

### **Nơi nhận:**

- Sinh viên
- Bộ phận kế toán;
- Bộ phận QLSV cử nhân tài năng;
- Bộ phận Đào tạo-khảo thí;
- Lưu VT.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

**PGS.TS. Trần Hà Minh Quân**

## QUARTER 2 2016 STUDENTS ENROLLMENT

| No. | Student ID  | First Name         | Name  | D.O.B      | Class     | Subject 1                | Subject 2                |
|-----|-------------|--------------------|-------|------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| 1   | 31141022727 | Vũ Lê Hà           | An    | 08/10/1996 | DH40ISB03 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 2   | 31141021918 | Võ Nguyễn Thành    | An    | 17/05/1996 | DH40ISB01 | Principles of Accounting | Statistics for Business  |
| 3   | 31141020006 | Nguyễn Thị Hoài    | Ân    | 07/08/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 4   | 31141020403 | Nguyễn Lan         | Anh   | 20/11/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 5   | 31141020533 | Nguyễn Phạm Hồng   | Anh   | 13/01/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 6   | 31141020651 | Bùi Tuấn           | Anh   | 10/04/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 7   | 31141020980 | Nguyễn Như Loan    | Anh   | 15/11/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 8   | 31141023517 | Lê Tuấn            | Anh   | 22/08/1994 | DH40ISB01 | Principles of Accounting | Managerial Economics     |
| 9   | 31141022511 | Phạm Nhật          | Anh   | 20/03/1996 | DH40ISB03 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 10  | 31141021474 | Trần Bảo           | Anh   | 16/07/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 11  | 31141021751 | Hoàng Xuân         | Bách  | 19/04/1996 | DH40ISB03 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 12  | 31141023480 | Đỗ Quốc            | Bảo   | 03/12/1996 | DH40ISB03 | Principles of Management | Principles of Marketing  |
| 13  | 31141022821 | Nguyễn Lưu Hoàng   | Bảo   | 02/09/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 14  | 31141021347 | Nguyễn Thị Ngọc    | Châu  | 10/01/1996 | DH40ISB01 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 15  | 31141021840 | Huỳnh Lan          | Chi   | 20/02/1996 | DH40ISB01 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 17  | 31141023053 | Lê Sỹ              | Cường | 24/11/1996 | DH40ISB01 | Principles of Accounting | Managerial Economics     |
| 16  | 31141021205 | Nguyễn Trần Trọng  | Cường | 21/08/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 19  | 31141023627 | Trần Hồ Linh       | Đan   | 15/10/1996 | DH40ISB06 | Business Academic Skills | Principles of Marketing  |
| 18  | 31141022809 | Tạ Linh            | Đan   | 26/04/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 20  | 31141023597 | Lê Thành           | Danh  | 08/11/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 21  | 31141022438 | Phùng Quang        | Đạt   | 17/11/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 22  | 31141020108 | Dương Võ Trí       | Đức   | 05/09/1996 | DH40ISB02 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 23  | 31141020416 | Hoàng Dương Thanh  | Dung  | 27/12/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 24  | 31141020417 | Nguyễn Thùy        | Dương | 30/10/1996 | DH40ISB01 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 25  | 31141023662 | Tạ Lê Thùy         | Dương | 19/12/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Organisational Behaviour |
| 26  | 31141022844 | Phan Thị Thuý      | Dương | 21/01/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 27  | 31141021775 | Phạm Thị Thuý      | Dương | 19/05/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 28  | 31141023013 | Trương Minh Phương | Duy   | 12/09/1996 | DH40ISB01 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 29  | 31141023284 | Lê                 | Duy   | 07/12/1996 | DH40ISB01 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 30  | 31141021825 | Lư Khả Ái          | Duy   | 05/05/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Business Law             |

|    |             |                    |       |            |           |                          |                          |
|----|-------------|--------------------|-------|------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| 32 | 31141021713 | Phan Nguyễn Kỳ     | Duyên | 17/02/1996 | DH40ISB06 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 31 | 31141023348 | Nguyễn Dương Phước | Duyên | 31/05/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 34 | 31141022198 | Đặng Ngô Bảo       | Hà    | 12/12/1996 | DH40ISB02 | Organisational Behaviour | Business Law             |
| 33 | 31141022237 | Trần Lê Ngân       | Hà    | 04/02/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 35 | 31141020389 | Đoàn Ngọc          | Hạ    | 15/09/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 36 | 31141023484 | Huỳnh Thanh        | Hải   | 29/02/1996 | DH40ISB02 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 37 | 31141022548 | Lưu Đặng Phúc      | Hải   | 28/06/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 38 | 31141020042 | Trần Thị Thúy      | Hằng  | 17/03/1996 | DH40ISB01 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 39 | 31141020171 | Dương Thị Thanh    | Hằng  | 03/06/1996 | DH40ISB02 | Principles of Accounting | Statistics for Business  |
| 40 | 31141020911 | Bùi Ngọc Phương    | Hằng  | 22/03/1996 | DH40ISB02 | Principles of Accounting | Managerial Economics     |
| 41 | 31141023406 | Phạm Thị Thanh     | Hào   | 25/11/1996 | DH40ISB03 | Principles of Marketing  | Corporate Finance        |
| 42 | 31141020007 | Mai Lê Thục        | Hiền  | 09/05/1996 | DH40ISB03 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 44 | 31141022341 | Đặng Phúc          | Hiền  | 30/03/1996 | DH40ISB02 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 43 | 31131020958 | Nguyễn Thế         | Hiền  | 04/01/1995 | DH40ISB01 | Statistics for Business  | Managerial Economics     |
| 45 | 31141023476 | Lê Tấn             | Hoàng | 04/10/1996 | DH40ISB02 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 46 | 31141021914 | Lê Hoàng Công      | Huân  | 03/09/1996 | DH40ISB03 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 47 | 31141020353 | Nguyễn Phạm Minh   | Hùng  | 06/02/1996 | DH40ISB02 | Principles of Marketing  | Corporate Finance        |
| 48 | 31141022890 | Trần Thị Quỳnh     | Hương | 06/04/1996 | DH40ISB02 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 49 | 31141021385 | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | Hương | 16/11/1996 | DH40ISB05 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 50 | 31141021214 | Hoàng Kim          | Hữu   | 04/03/1996 | DH40ISB03 | Corporate Finance        | Managerial Economics     |
| 51 | 31141021543 | Phạm Gia           | Khanh | 13/06/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 52 | 31141022147 | Hồ Đăng            | Khoa  | 01/05/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 53 | 31141021832 | Trần Doãn          | Khoa  | 14/04/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 54 | 31141023106 | Đặng Đình          | Khôi  | 05/10/1996 | DH40ISB03 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 55 | 31141021277 | Dư Phúc Mỹ         | Kim   | 10/01/1996 | DH40ISB03 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 56 | 31141022771 | Lê Phương          | Lam   | 01/12/1996 | DH40ISB05 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 57 | 31141021062 | Hà Tùng            | Lâm   | 21/01/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 59 | 31141021420 | Nguyễn Bá Khánh    | Linh  | 10/04/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 58 | 31111023813 | Trần Gia           | Linh  | 01/07/1993 | DH40ISB02 | Principles of Accounting | Statistics for Business  |
| 60 | 31141022515 | Hoàng Khánh        | Linh  | 02/02/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 61 | 31141021750 | Ngô Kim            | Loan  | 12/02/1996 | DH40ISB03 | Principles of Accounting | Business Law             |
| 62 | 31141022360 | Trần Minh Hoàng    | Long  | 09/03/1995 | DH40ISB05 | Principles of            | Corporate Finance        |

|    |             |                       |        |            |           |                          |                          |
|----|-------------|-----------------------|--------|------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
|    |             |                       |        |            |           | Marketing                |                          |
| 63 | 31141021052 | Trương Gia            | Luân   | 01/02/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 64 | 31141023620 | Nguyễn Tú             | Mai    | 19/08/1996 | DH40ISB03 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 65 | 31141022893 | Vũ Ngọc Quỳnh         | Mai    | 25/06/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Corporate Finance        |
| 66 | 31141020792 | Phạm Thị Bảo          | Minh   | 01/12/1996 | DH40ISB02 | Business Law             | Corporate Finance        |
| 67 | 31141020258 | Nguyễn Hoàng          | Minh   | 15/03/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 68 | 31141023252 | Khuông Quốc           | Minh   | 24/01/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 70 | 31141021887 | Nguyễn Hải            | Nam    | 09/04/1996 | DH40ISB06 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 71 | 31141020154 | Vũ Lê Sơn             | Nam    | 12/10/1996 | DH40ISB06 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 69 | 31141022472 | Hoàng                 | Nam    | 29/06/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 72 | 31141022972 | Đinh Nguyên Hoàng Kim | Ngân   | 04/10/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 73 | 31141021141 | Lê Thị Phương         | Ngân   | 31/03/1995 | DH40ISB04 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 75 | 31141023218 | Nguyễn Nhật Kiều      | Ngân   | 30/10/1996 | DH40ISB06 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 74 | 31141021401 | Trần Bửu              | Ngân   | 16/11/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 77 | 31141021109 | Nguyễn Huỳnh Bảo      | Ngọc   | 26/03/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 78 | 31141020243 | Lưu Mỹ                | Ngọc   | 18/11/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 80 | 31141021842 | Huỳnh Thị Hồng        | Ngọc   | 04/10/1996 | DH40ISB06 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 79 | 31141021000 | Vũ Hồng               | Ngọc   | 05/03/1996 | DH40ISB04 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 76 | 31141020200 | Nguyễn Bảo            | Ngọc   | 01/11/1996 | DH40ISB02 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 81 | 31141022905 | Nguyễn Đức            | Nguyên | 24/01/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 82 | 31141021188 | Nguyễn Trần Khôi      | Nguyên | 01/01/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 83 | 31141020044 | Huỳnh Trọng           | Nhân   | 15/09/1995 | DH40ISB06 | Business Academic Skills | Organisational Behaviour |
| 84 | 31141021321 | Nguyễn Hữu            | Nhân   | 07/06/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 85 | 31141022168 | Phan Uyên             | Nhi    | 22/01/1996 | DH40ISB06 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 87 | 31141022759 | Lưu Vũ Quỳnh          | Như    | 07/10/1996 | DH40ISB04 | Principles of Accounting | Business Law             |
| 86 | 31141023070 | Trịnh Thị Tố          | Như    | 03/12/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 88 | 31141022313 | Võ Thị Hoàng          | Oanh   | 30/12/1996 | DH40ISB04 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 89 | 31141022758 | Nguyễn Vũ             | Phong  | 18/01/1996 | DH40ISB06 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 90 | 31141021582 | Phạm Xuân             | Phú    | 11/01/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 91 | 31141023401 | Nguyễn Hưng Thiện     | Phước  | 23/07/1996 | DH40ISB06 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 92 | 31141023584 | Phạm Nguyễn           | Quân   | 01/01/1996 | DH40ISB02 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 93 | 31141020470 | Thái Nim Tường        | Quyên  | 03/04/1996 | DH40ISB06 | Corporate Finance        | Managerial Economics     |

|     |             |                   |       |            |           |                          |                          |
|-----|-------------|-------------------|-------|------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| 94  | 31141023185 | Ngô Nhật          | Quỳnh | 24/11/1996 | DH40ISB05 | Business Law             | Corporate Finance        |
| 95  | 31141021606 | Đặng Như          | Quỳnh | 22/09/1996 | DH40ISB06 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 96  | 31141022475 | Trần Thị Xuân     | Quỳnh | 19/05/1996 | DH40ISB06 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 97  | 31141020801 | Nguyễn Trung      | Son   | 04/06/1996 | DH40ISB02 | Principles of Accounting | Managerial Economics     |
| 98  | 31141021017 | Nguyễn Phúc       | Tân   | 22/02/1996 | DH40ISB04 | Principles of Accounting | Principles of Management |
| 99  | 31141022314 | Dương Đình Bảo    | Thăng | 08/05/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 100 | 31141022493 | Trần Hoàng Ngọc   | Thắng | 17/03/1996 | DH40ISB01 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 101 | 31131021861 | Tô Tú             | Thanh | 08/03/1995 | DH40ISB02 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 102 | 31141023324 | Nguyễn Hữu        | Thành | 20/12/1996 | DH40ISB02 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 103 | 31141023397 | Giang Trần Minh   | Thành | 06/08/1996 | DH40ISB01 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 105 | 31141023411 | Trần Thị Thanh    | Thảo  | 19/01/1996 | DH40ISB02 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 104 | 31141021511 | Phan Huỳnh Diễm   | Thảo  | 13/02/1996 | DH40ISB04 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 106 | 31141023342 | Nguyễn Thị Minh   | Thảo  | 22/05/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 107 | 31141021831 | Cao Ngọc Nguyên   | Thảo  | 01/04/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 108 | 31141022644 | Nguyễn Thị Phương | Thảo  | 28/11/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 109 | 31141021861 | Nguyễn Hữu        | Thọ   | 08/05/1995 | DH40ISB06 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 110 | 31141020205 | Đồng Lê Bá        | Thông | 19/08/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 111 | 31141023197 | Tô Thị Minh       | Thư   | 14/06/1996 | DH40ISB01 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 112 | 31141022981 | Đặng Hà Anh       | Thư   | 27/01/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 114 | 31141020429 | Nguyễn Minh       | Thư   | 27/09/1996 | DH40ISB06 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 115 | 31141021139 | Nguyễn Ngọc Khải  | Thư   | 11/01/1996 | DH40ISB06 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 113 | 31141022630 | Chương Bội        | Thư   | 28/11/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 116 | 31141020983 | Hồ Trọng          | Thức  | 28/10/1996 | DH40ISB02 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 117 | 31141022769 | Nguyễn Thị Thuỷ   | Tiên  | 26/02/1996 | DH40ISB02 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 119 | 31141021800 | Trương Trí        | Tín   | 05/06/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 118 | 31141020624 | Phạm Nguyễn Trung | Tín   | 26/03/1996 | DH40ISB04 | Principles of Accounting | Statistics for Business  |
| 120 | 31141022145 | Lê Đức            | Toàn  | 27/06/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Organisational Behaviour |
| 121 | 31141021665 | Vũ Kiều           | Trâm  | 29/06/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 122 | 31141021027 | Nguyễn Trần Quế   | Trâm  | 21/01/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 123 | 31141022311 | Diệp Ngọc         | Trâm  | 24/04/1996 | DH40ISB02 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 125 | 31141021065 | Bùi Ngọc Huyền    | Trân  | 20/05/1996 | DH40ISB02 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 124 | 31141023302 | Lý Hồng           | Trân  | 31/12/1996 | DH40ISB04 | Statistics for Business  | Managerial Economics     |

|     |             |                    |       |            |           |                          |                          |
|-----|-------------|--------------------|-------|------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| 126 | 31141020573 | Nhâm Điền          | Trần  | 30/10/1996 | DH40ISB02 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 128 | 31131023199 | Trương Thùy        | Trang | 02/03/1995 | DH40ISB01 | Business Academic Skills | Principles of Marketing  |
| 127 | 31141021380 | Nguyễn Hồng Thủy   | Trang | 14/07/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 129 | 31141020455 | Lê Thanh           | Trang | 10/11/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 131 | 31141021585 | Nguyễn Minh        | Trí   | 25/06/1996 | DH40ISB04 | Principles of Accounting | Statistics for Business  |
| 130 | 31141023379 | Võ Minh            | Trí   | 05/02/1996 | DH40ISB04 | Principles of Management | Managerial Economics     |
| 132 | 31141020679 | Trần Vĩnh          | Trí   | 23/12/1996 | DH40ISB06 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 134 | 31141022870 | Lý Bội             | Trình | 26/02/1996 | DH40ISB04 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 133 | 31141023645 | Nguyễn Đình Nguyên | Trình | 22/03/1996 | DH40ISB01 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 135 | 31141022450 | Lê Thanh           | Trúc  | 02/09/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 136 | 31141020003 | Lê Thị Minh        | Tú    | 31/05/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 137 | 31141022398 | Lê Anh             | Tuấn  | 01/01/1996 | DH40ISB04 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 138 | 31141021999 | Nguyễn Thanh       | Tùng  | 31/12/1996 | DH40ISB02 | Principles of Marketing  | Business Law             |
| 139 | 31141022200 | Võ Trần Nhật       | Tường | 13/09/1996 | DH40ISB04 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 140 | 31131020431 | Lê Thị Sơn         | Tuyền | 18/07/1996 | DH40ISB05 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 141 | 31141022401 | Đặng Minh          | Tuyết | 22/07/1996 | DH40ISB04 | Principles of Accounting | Principles of Marketing  |
| 142 | 31141020484 | Đỗ Hồng Phương     | Uyên  | 25/05/1996 | DH40ISB05 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 143 | 31141021218 | Nguyễn Khánh       | Vân   | 26/11/1996 | DH40ISB02 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 144 | 31141022928 | Lai Chí            | Vũ    | 24/03/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Managerial Economics     |
| 145 | 31141020764 | Trần Anh           | Vũ    | 30/08/1996 | DH40ISB05 | Corporate Finance        | Managerial Economics     |
| 146 | 31141021445 | Huỳnh Kiến         | Vũ    | 25/02/1996 | DH40ISB03 | Organisational Behaviour | Managerial Economics     |
| 147 | 31141022954 | Võ Trần Hạ         | Vy    | 26/08/1996 | DH40ISB03 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 148 | 31141021878 | Trần Minh Bạch     | Vy    | 26/09/1996 | DH40ISB05 | Business Law             | Organisational Behaviour |
| 149 | 31141022924 | Phạm Hoàng Lan     | Vy    | 05/02/1996 | DH40ISB02 | Principles of Marketing  | Managerial Economics     |
| 150 | 31141022538 | Tôn Nữ Như         | Ý     | 05/08/1996 | DH40ISB01 | Principles of Management | Principles of Marketing  |